

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh phân bổ kinh phí khắc phục hạn hán
và xâm nhập mặn vụ Đông Xuân 2014-2015 và vụ Hè Thu năm 2015**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 4766/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phân bổ kinh phí khắc phục hạn hán và xâm nhập mặn vụ Đông Xuân năm 2014-2015 và vụ Hè Thu năm 2015;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 1928/TTr-SNN ngày 16/6/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Điều chỉnh phân bổ kinh phí khắc phục hậu quả hạn hán và xâm nhập mặn vụ Đông Xuân 2014-2015 và vụ Hè Thu năm 2015 cho các huyện, thị xã, thành phố, đơn vị với tổng kinh phí là 12.700 triệu đồng, cụ thể như sau:
DVT: 1.000 đồng

STT	Đơn vị	Phân bổ tại Quyết định số 4766/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh	Phê duyệt điều chỉnh
1	Huyện An Lão	800.000	1.335.000
2	Huyện Hoài Nhơn	1.400.000	1.400.000
3	Huyện Hoài Ân	1.360.000	2.380.334
4	Huyện Phù Mỹ	2.500.000	2.500.000
5	Huyện Phù Cát	1.000.000	0
6	Thị xã An Nhơn	1.200.000	1.153.207
7	Huyện Tây Sơn	930.000	930.000
8	Huyện Vân Canh	660.000	596.000
9	Huyện Vĩnh Thạnh	280.000	149.828
10	Huyện Tuy Phước	760.000	960.000
11	Thành phố Quy Nhơn	525.000	508.000
12	Công ty TNHH KTCTTL	1.285.000	787.631
	Tổng cộng	12.700.000	12.700.000

(Chi tiết như phụ lục đính kèm)

Điều 2.

- Giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp Sở Tài chính hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố và Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng quy định và quyết toán ngân sách kịp thời.

- Giao Sở Tài chính đề xuất nguồn kinh phí (từ ngân sách tỉnh) để hỗ trợ chi phí đào giếng, nạo vét, âm bộng giếng lấy nước sinh hoạt, đắp đập tạm, đập bồi phục vụ chống hạn của huyện An Lão, huyện Hoài Ân còn thiếu nguồn thanh toán với số tiền 631.166.000 đồng, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 3.

Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 4766/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Giám đốc Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

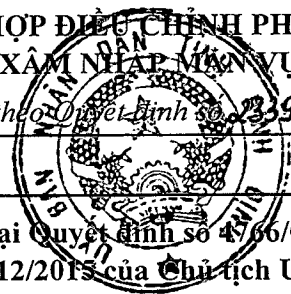
- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVPNN;
- Lưu: VT, K10, K17 (27b) 

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


Trần Châu

**TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH PHÂN BỐ KINH PHÍ HỖ TRỢ KHẮC PHỤC HẠN HÁN
VÀ XÂM NHẬP MẶN VỤ ĐÔNG XUÂN 2014 - 2015 VÀ VỤ HÈ THU 2015**

(Kèm theo Quyết định số 2339/QĐ-UBND ngày 07/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)



Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Đơn vị	Phân bổ tại Quyết định số 4766/QĐ-UBND ngày 30/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh				Phê duyệt điều chỉnh				
		Tổng số	Bơm nước vượt định mức	Nạo vét kênh chính, cửa lấy nước	Mua nước sinh hoạt	Tổng số	Bơm vượt định mức	Nạo vét kênh chính, cửa lấy nước	Mua nước sinh hoạt	Đào giếng, nạo vét, âm bọng giếng lấy nước sinh hoạt
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Huyện An Lão	800.000	0	800.000	0	1.335.000	0	1.110.000	0	225.000
2	Huyện Hoài Nhơn	1.400.000	98.000	264.000	1.038.000	1.400.000	98.000	264.000	1.038.000	0
3	Huyện Hoài Ân	1.360.000	112.000	1.248.000	0	2.380.334	912.000	1.248.000	0	220.334
4	Huyện Phù Mỹ	2.500.000	954.000	90.000	1.456.000	2.500.000	954.000	90.000	1.456.000	0
5	Huyện Phù Cát	1.000.000	383.000	0	617.000	0	0	0	0	0
6	Thị xã An Nhơn	1.200.000	1.164.000	36.000	0	1.153.207	1.153.207	0	0	0
7	Huyện Tây Sơn	930.000	300.000	630.000	0	930.000	630.000	300.000	0	0
8	Huyện Vân Canh	660.000	86.000	140.000	434.000	596.000	0	162.000	434.000	0
9	Huyện Vĩnh Thạnh	280.000	33.000	247.000	0	149.828	32.990	116.838	0	0
10	Huyện Tuy Phước	760.000	274.000	486.000	0	960.000	274.000	686.000	0	0
11	Thành phố Quy Nhơn	525.000	295.000	230.000	0	508.000	143.000	365.000	0	0
12	Công ty TNHH KTCTTL	1.285.000	75.000	1.210.000	0	787.631	90.928	696.703	0	0
	Tổng cộng	12.700.000	3.774.000	5.381.000	3.545.000	12.700.000	4.288.125	5.038.541	2.928.000	445.334

th